TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 133/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nhân Phái

2. Ông Nguyễn Đình Phú

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019, về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Xuân P, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ A, đường T, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trương Thị Bình Y, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số nhà A, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 16/5/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Lê Xuân P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Xuân P và chị Trương Thị Bình Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 04/4/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không hợp, hai người không tin tưởng nhau, chị Y nghi ngờ anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm. Gia đình đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Từ tháng 5/2018 cho đến nay anh P, chị Y sống ly thân, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay anh P xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không

còn tình cảm, hai người không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị Trương Thị Bình Y.

Về con chung: Anh P trình bày vợ chồng có 02 người con chung là Lê Phúc A, sinh ngày 21/11/2013; Lê Hoàng Thiên A, sinh ngày 21/4/2017. Tại đơn khởi kiện anh P yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phúc A; giao cháu Thiên A cho chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện anh P nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh cháu Lê Phúc A, Lê Hoàng Thiên A; bản sao sổ hộ khẩu gia đình, bản sao chứng minh nhân dân, bản tính lương của Công ty trách nhiệm hữu hạn Du lịch L tháng 1 đến tháng 6/2019.

Tại bản trình bày ý kiến, biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2019, chị Trương Thị Bình Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Bình Y và anh Lê Xuân P về cơ bản như anh P trình bày. Hai người kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P ngày 04/4/2013. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm. Gia đình đã hòa giải, khuyên bảo nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Từ tháng 5/2018 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm, chăm sóc. Chị Y đồng ý ly hôn anh P.

Về con chung: Chị Y yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung của vợ chồng là cháu Lê Phúc A, sinh ngày 21/11/2013; Lê Hoàng Thiên A, sinh ngày 21/4/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Y yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/1 con (4.000.000đ/2 con).

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 07/6/2019, anh P, chị Y đã thỏa thuận được các vấn đề có tranh chấp trong vụ án. Tòa án đã lập biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn và hòa giải thành.

Tuy nhiên đến ngày 12/6/2019, trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, anh Lê Xuân P có văn bản thay đổi ý kiến thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con chung. Cụ thể: Anh P thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con từ 2.000.000đ/1con (4.000.000đ/2con)/1tháng như đã thỏa thuận xuống còn 1.000.000đ/1con (2.000.000đ/2con)/1 tháng. Chị Y không đồng ý việc anh P thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không thể ban hành quyết định quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp

dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Xuân P và chị Trương Thị Bình Y.

Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị xử giao cháu Lê Phúc A; Lê Hoàng Thiên A cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/1con (3.000.000đ/2con) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Xuân P, chị Trương Thị Bình Y trình bày không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau các vấn đề có tranh chấp trong vụ án, Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, tống đạt cho đương sự. Tuy nhiên trong thời hạn luật định, nguyên đơn có văn bản thay đổi ý kiến tại phiên hòa giải, cụ thể là thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con chung, bị đơn không đồng ý với ý kiến thay đổi của nguyên đơn. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Xuân P và chị Trương Thị Bình Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 04/4/2013, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị Y là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm. Gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Từ tháng 5/2018 cho đến nay anh P, chị Y sống ly thân, không quan tâm chăm sóc. Anh P, chị Y đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, hai người không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên thuận tình ly hôn. Do đó, cần áp dụng Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Xuân P và chị Trương Thị Bình Y.

[2.2] Về việc nuôi con chung:

Xét yêu cầu nuôi con của các đương sự thấy rằng: Anh Lê Xuân P và chị Trương Thị Bình Y đều thống nhất giao cháu Lê Phúc A, sinh ngày 21/11/2013; Lê Hoàng Thiên A, sinh ngày 21/4/2017 cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Y yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 con/1 tháng (4.000.000đ/2 con)/1 tháng. Tuy anh P đã nhất trí nhưng sau đó thay đổi ý kiến. Tại phiên tòa anh P đề nghị cấp dưỡng mức 1.500.000đ/ 1con/1 tháng nhưng chị Y không đồng ý. Xét thấy anh P làm nghề đầu bếp, thu nhập trung bình 7.120.000đ/1 tháng, mức cấp dưỡng chị Y yêu cầu là hơi cao so với khả năng và thu nhập thực tế của anh P trong giai đoạn hiện nay. Để đảm bảo nhu cầu tối thiểu của cuộc sống 2 cháu, đồng thời cũng đảm bảo cuộc sống của anh P cần buộc anh P cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/1con (3.000.000đ/ 2con)/1 tháng là phù hợp. Do đó, áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83, 116 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Lê Phúc A, Lê Hoàng Thiên A cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Xuân P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ/1con (3.000.000đ/2con) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh P, chị Y trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Xuân P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, 58, 81, 82, 83, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Xuân P và chị Trương Thị Bình Y.

2. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Lê Phúc A, sinh ngày 21/11/2013, Lê Hoàng Thiên A, sinh ngày 21/4/2017 cho chị Trương Thị Bình Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Buộc anh Lê Xuân P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ/1 con (3.000.000đ/2 con) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Lê Xuân P có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và chị Trương Thị Bình Y có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Lê Xuân P không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Xuân P phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, tổng cộng 600.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006542 ngày 16/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh P còn phải nộp thêm 300.000đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND phường P, thị xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Trình